

Đơn vị:.....

Mẫu số S04a5-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Ghi Có Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán

Tháng năm

Số TT	Tên đơn vị (hoặc người bán)	Số dư đầu tháng		Ghi Có TK 331, Ghi Nợ các tài khoản									Theo dõi thanh toán (ghi Nợ TK 331)					Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	152		153		151	156	211	...	Cộng Có TK 331	111	112	341	...	Cộng Nợ TK 331	Nợ	Có
				Giá HT	Giá TT	Giá HT	Giá TT												
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Cộng																		

Đã ghi Sổ Cái ngày ... tháng ... năm.....

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(1.5) Nhật ký chứng từ số 5 (Mẫu số S04a5-DN)

Dùng để tổng hợp tình hình thanh toán và công nợ với người cung cấp vật tư, hàng hoá, dịch vụ cho doanh nghiệp (Tài khoản 331 “Phải trả cho người bán”).

NKCT số 5 gồm có 2 phần: Phần phản ánh số phát sinh bên Có TK 331 đối ứng Nợ với các tài khoản có liên quan và phần theo dõi thanh toán (ghi Nợ TK 331 đối ứng Có với các tài khoản liên quan). Kết cấu và phương pháp ghi sổ:

NKCT số 5 gồm có các cột số thứ tự, tên đơn vị (hoặc người bán), số dư đầu tháng, các cột phản ánh số phát sinh bên Có của TK 331 đối ứng Nợ với các tài khoản liên quan và các cột phản ánh số phát sinh bên Nợ của TK 331 đối ứng Có với các tài khoản liên quan.

Cơ sở để ghi vào NKCT số 5 là sổ theo dõi thanh toán (TK 331 “Phải trả cho người bán”). Cuối mỗi tháng sau khi đã hoàn thành việc ghi sổ chi tiết TK 331, kế toán lấy số liệu cộng cuối tháng của từng sổ chi tiết được mở cho từng đối tượng để ghi vào NKCT số 5 (Số liệu tổng cộng của mỗi sổ chi tiết được ghi vào NKCT số 5 một dòng).

Cuối tháng khoá sổ NKCT số 5, xác định tổng số phát sinh bên Có TK 331 đối ứng Nợ các tài khoản liên quan, và lấy số liệu tổng cộng của NKCT số 5 để ghi Sổ Cái (Có TK 331, Nợ các tài khoản).